

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI

TIỂU BỘ 1 & 3

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	6
1 Ubirì – Tiểu III, 569.....	12
2 Udaya - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806	15
3 Udàyin – Tiểu III, 365	18
4 Ugga – Tiểu III, 90	23
5 Ujiaya – Tiểu III, 58	24
6 Ukkhepakàta Vaccha – Tiểu III, 76.....	25
7 Upacàlà – Tiểu III, 631.....	27
8 Upaka - Ân sĩ Upaka gặp Thế Tôn trên đường đến Balanại - Kinh Càpà – Tiểu III, 666	29
9 Upasanà – Tiểu III, 546	38
10 Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328 ..	39
11 Upasena Vangantaputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198.....	43
12 Upasiva - Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva - Tiểu I, 791	45

13	Upavàna – Tiểu III, 166.....	49
14	Uppalavanna – Tiểu III, 645.....	51
15	Upàli – Tiểu III, 203	56
16	Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254.....	58
17	Usabha – Tiểu III, 116.....	61
18	Usabha – Tiểu III, 173.....	63
19	Uttama – Tiểu III, 566	65
20	Uttara – Tiểu III, 127	67
21	Uttara – Tiểu III, 152.....	70
22	Uttarapàla – Tiểu III, 205	72
23	Uttarà - Kinh Một Uttarà Khác – Tiểu III, 567	74
24	Uttarà – Tiểu III, 551	76
25	Uttarà – Tiểu III, 626.....	77
26	Uttiya - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62	80
27	Uttiya – Tiểu III, 107.....	83

28	Uttiya – Tiểu III, 39	85
29	Uẩn - 3 vô học uẩn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 363	87
30	Uẩn - Các uẩn được khởi lên, Đến đời khác diệt vong - Kinh Uttara – Tiểu III, 127	89
31	Uẩn - Giới uẩn... Giải thoát tri kiến uẩn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 441	92
32	Uẩn - Hãy như lý quán sát, Các uẩn là đau khổ - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....	96
33	Uẩn - Liễu Tri Năm thủ uẩn, Tu tập con đường Thánh - kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250 116	
34	Uẩn - Năm uẩn được liễu tri - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275	119
35	Uẩn - Năm uẩn được rõ biết, Tồn tại sẽ cắt đứt - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98.....	122
36	Uẩn - Năm uẩn được rõ biết, Đứng với rề chặt đứt - Kinh Isidatta – Tiểu III, 125	124
37	Uẩn - Quán sanh diệt trong năm uẩn và chúng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32.....	126

- 38 Uẩn - Ta liễu tri các uẩn, Ta khéo nhỏ tham ái - Kinh Uttara – Tiểu III, 152128
- 39 Uẩn - Thấy như thật các uẩn, Đoạn sanh tử luân hồi - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96130
- 40 Uẩn - Trưởng lão ni Mittakali - Kinh Mittakali – Tiểu III, 588131
- 41 Uẩn - Trưởng lão ni Patàcàrà - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598133
- 42 Uẩn, giới, xứ - Trưởng lão ni - Kinh Sonà – Tiểu III, 591140
- 43 Uẩn, xứ, giới - Trưởng lão ni - Kinh Một Tỷ Kheo Ni Vô Danh – Tiểu III, 579.....143
- 44 Uẩn, xứ, giới - Trưởng lão ni Uttama - Kinh Uttama – Tiểu III, 566145
- 45 Uống rượu men, rượu nấu, Người sống đam mê vậy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78147
- 46 Ưa danh không tương xứng, Muốn ngồi trước tỷ kheo - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43152
- 47 Ưa ghét - Từ đâu tham, sân, sợ hãi, thích, ghét, suy nghĩ sanh khởi_ - Kinh Sùciloma - Tiểu I, 551.....156

- 48 Ước muốn - Tẩy sạch ước muốn tham đối với
các pháp được thấy, nghe... là Niết bàn - Kinh
Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798
.....159
- 49 Ước muốn - Ước muốn sanh khởi do khả ý, bất
khả ý - Kinh Tranh luận - Tiểu I, 725161
- 50 Ước vọng pháp ly ngôn, Ý cảm xúc thượng quả
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73168

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Ubirì – Tiểu III, 569

Ubirì – Tiểu III, 569 (33

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình khá giả quyền quý. Nàng rất đẹp và sanh được người con gái rất đẹp, đặt tên là Jivà.

Vua thấy đứa con gái rất lấy làm hài lòng và đưa nàng lên làm hoàng hậu. Nhưng rồi đứa con gái Jivà bị chết, và bà mẹ ngày nào cũng đi đến nghĩa địa để than khóc.

Một hôm nàng đi đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng rồi nàng đi ra bên sông Aciravàti và đứng than khóc. Bậc Đạo Sư thấy vậy liền đến với nàng và hỏi:

- *Tại sao nàng khóc?*

Nàng đáp:

- *Bạch Thế Tôn, con khóc đứa con gái của con.*

Thế Tôn nói:

- *Tại nghĩa địa này có đến tám vạn bốn ngàn con gái của nàng bị thiêu. Vậy nàng khóc than cho ai!*

Rồi chỉ cho nàng thấy chỗ đất các người bị chết, Thế Tôn nói lên bài kệ:

51. Hỡi nàng Ubirì,
Nàng khóc trong rừng sâu,
Khóc than ôi Jivà,
Con gái thân của tôi,
Hãy tự mình hồi tỉnh,
Hỡi này Ubirì!
Trong bãi đốt thân này,
Tất cả tám vạn tư,
Người đồng tên Jivà,
Nàng khóc Jivà nào?

Nàng suy tư với trí tuệ, trên pháp bậc Đạo Sư dạy. Nhờ **thiền quán** tác động, những lời dạy tốt đẹp của bậc Đạo Sư, và với tự mình đạt được những điều kiện cần thiết nàng chứng được quả cao nhất, cho đến quả A-la-hán, và trình bày quả vị tối thượng nàng đạt được, nàng nói lên nửa bài kệ sau:

52. Mũi tên khó nhìn thấy,
Đâm dính nơi tâm ta,
Chắc chắn đã được Ngài,
Nhỏ lên khỏi tâm ta,
Sầu muộn vì con gái,
Đã được chấm dứt hẳn.

53. Nay mũi tên được nhỏ,

*Mọi ham muốn lắng dịu,
Ta đi đến quy y,
Bậc Mâu-ni ẩn sĩ,
Quy y Ba ngôi báu,
Phật, Pháp và chúng Tăng.*

2 Udaya - Kinh Câu hỏi của thanh niên

13 Udaya - Tiểu I, 806

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I*, 806

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

*Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiền,
Bậc an tọa không bụi,
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,*

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

*Hỡi này U-da-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.*

1107. *Ta nói trí giải thoát,*

Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.

Udaya:

1108. Đòi cái gì trối buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trối buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là Niết-bàn.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ,**
Với nội và ngoại thọ,
Sở hành chánh niệm vậy,

***Thức** đạt được hoại diệt.*

3 Udàyin – Tiểu III, 365

Udàyin – Tiểu III, 365 (247)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài thấy được uy lực của đức Phật khi đức Phật thăm gia đình ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian, ngài thành bậc A-la-hán. Nay có đến ba vị Trưởng lão Udàyin: con một Bộ trưởng, tên là *Kàludàyin* (xem CCXXXIII), vị Bà-la-môn này và *Đại Udàyin*.

Khi **kinh Ví dụ con voi** được thuyết giảng, trong kinh này, con voi Sela của *vua Pasenadi* được tán thán, ngài Udàyin này cảm thấy phẫn khởi khi nghĩ đến đức Phật, nghĩ rằng các người này chỉ tán thán một con vật, còn ta sẽ tán thán các đức tánh tốt đẹp của một con voi tuyệt diệu, tức là đức Phật. Rồi Ngài nói lên những bài kệ như sau:

689. *Đức Phật, sanh làm người,
Tự điều phục thiên định,
Uy nghi Phạm thiên đạo,
Hoan hỷ trong tâm tịnh.*

690. Loài người đánh lễ Ngài,
Bạc đạt được bờ kia,
Đối với hết thấy pháp,
Chư Thiên đánh lễ Ngài,
Như vậy ta được nghe,
Ta là A-la-hán.

691. Vượt qua mọi kiết sử,
Từ rừng đến Niết-bàn,
Vui thoát ly các dục,
Như vàng thoát khoáng sản.

692. Vị ấy thật như voi,
Tuyệt luân đẹp rực rỡ,
Đứng trên đỉnh núi cao,
Dãy trường sơn Hi-mã,
Trong mọi danh Nàga,
Ngài chân danh Vô thượng.

693. Rồi ta sẽ tán thán,
Nàga này cho người,
Nàga không làm ác,
Nên được gọi Nàga,
Từ tổn, không làm hại,
Là hai chân Nàga.

694. **Chánh niệm và tỉnh giác,**

Hai chân khác Nàga,
Voi Nàga là **tín**,
Nàga màu trắng là **xả**.

695. **Chánh niệm** là cổ họng,
Trí tuệ chỉ cho đầu,
Suy tầm với cái vòi,
Chỉ cho tư duy pháp.
Hòa trú là bụng pháp,
Viễn ly ví đuôi voi.

696. Tu thiền, thở vô lạc,
Nội tâm, khéo định tĩnh,
Nàga **đi**, **định tĩnh**,
Nàga **đứng**, định tĩnh.

697. Nàga **nằm**, định tĩnh,
Nàga **ngồi**, định tĩnh,
Trong tất cả tình huống,
Nàga sống chế ngự,
Đây thành tích Nàga.

698. **Ăn đồ ăn không tội**,
Đồ có tội không ăn;
Được đồ ăn, y phục,
Từ bỏ, không tích trữ.

699. *Kiếp sử tế, hay thô,
Chặt đứt mọi trói buộc,
Chỗ nào vị ấy đi,
Bước đi, không kỳ vọng.*

700. *Như sen sanh trong nước,
Lớn lên được tăng trưởng,
Không có dính nước ướt,
Thơm ngát, rất khả ái.*

701. *Cũng vậy bậc Chánh Giác,
Sanh và trú ở đời,
Không có dính sự đời,
Như sen không dính nước.*

702. *Như đồng lửa cháy đỏ,
Không củi tự tắt dần,
Trong than tro lắng dịu,
Được gọi lửa diệt tận.*

703. *Ví dụ, bậc trí thuyết,
Để nêu rõ ý nghĩa,
Đại Nàga sẽ hiểu,
Những gì về Nàga,
Do Nàga ấy giảng.*

704. *Vô tham và vô sân,*

*Vô si, không lậu hoặc,
Nàga từ bỏ thân,
Sẽ diệt độ Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

4 Ugga – Tiểu III, 90

Ugga – Tiểu III, 90 (80)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, tại thành phố Ugga, **con một gia đình nghị sĩ**, được đặt tên là Ugga.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đến nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, khi đức Thế Tôn đến thành này, khởi lòng tin xuất gia, cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chặt đứt sợi dây chuyền tái sanh và nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

*80. Mọi nghiệp ta đã làm,
Dầu ít hay là nhiều,
Tất cả được đoạn trừ,
Nay không còn tái sanh.*

5 Ujiaya – Tiểu III, 58

Ujiaya – Tiểu III, 58 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn theo truyền thông.

Lớn lên và giỏi về ba tập Vệ-đà, ngài thấy không có cốt tủy. Với nghiệp lành chín muồi, ngài đi đến rừng Trúc nghe Thế Tôn giảng và xuất gia, **thiền tư về giới hạnh** trong rừng, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến Thế Tôn đánh lễ ngài, ngòì xuống một bên, tán thán Thế Tôn, ngài nói lên bài kệ đề cập đến chánh trí của ngài:

*47. Đánh lễ Phật, anh hùng,
Ngài giải thoát mọi chỗ,
Trong nếp sống của ngài,
Gồm cả phần giáo điển,
Con sống không lậu hoặc,
Không còn bị trói buộc.*

6 Ukkhepakàta Vaccha – Tiểu III, 76

Ukkhepakàta Vaccha – *Tiểu III*, 76 (65)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một Bà-la-môn thuộc dòng họ Vaccha.

Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp phát tâm xuất gia, sống tại một làng Kosala. Nhờ các Tỷ-kheo đến thăm, ngài thâm hiểu Chánh pháp, nhưng ngài không phân biệt được Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng (???). Tuy vậy ngài học hỏi được từ tôn giả Sàriputta, nên có các vị Tỷ-kheo giỏi về Luật tạng hay một bộ phận của ba Tạng, ngài học thuộc lòng cả ba Tạng, trước khi ba Tạng được kiết tập. Sau khi thuộc lòng cả ba Tạng, ngài chứng quả A-la-hán, trở thành vị giảng dạy giáo lý.

Một hôm, ngài nói với chính mình như với một người khác trong bài kệ sau đây:

*65. Tài sản được chất chứa,
Trải nhiều tháng nhiều năm,
Do Vaccha tác thành,
Nay Vaccha quăng bỏ.
Ngài thuyết giảng như vậy,
Cho các hàng cư sĩ,*

*Khéo ngồi chỗ trịnh trọng,
Tâm hồn hoan rộng lớn.*

7 Upacàlà – Tiểu III, 631

Upacàlà – Tiểu III, 631 (60)

Câu chuyện giống như Tỷ-kheo-ni Càlà. Như Càlà, nàng chứng quả A-la-hán, và bị Ác ma cám dỗ nhưng Ác ma đã thất bại:

*189. Trú niệm có pháp nhãn,
Tỷ-kheo-ni luyện căn,
Thể nhập đạo an tịnh,
Bậc thượng nhân hành trì.*

Ác ma:

*190. Sao người không thích sanh,
Có sanh mới hưởng dục,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Chớ hối tiếc về sau.*

Upacàlà:

*191. Đã sanh, thời bị chết,
Tay chân bị đứt đoạn,
Bị giết, trói, phiền não.
Sau đưa đến khổ đau.*

192. Sanh gia tộc Thích-ca,
Đức Phật không chiến bại.
Ngài thuyết pháp cho ta,
Vượt qua khỏi sự sanh.

193. Ngài thuyết **Tám thánh đạo**,
Về khổ, nguyên nhân khổ,
Về vượt qua đau khổ,
Và con đường khổ diệt.

194. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống vui thích giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

195. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khỏi si ám tan tàn,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Ngươi bị hại, Ma vương.

8 Upaka - Ấn sĩ Upaka gặp Thế Tôn trên đường đến Balanại - Kinh Càpà – Tiểu III, 666

Càpà – Tiểu III, 666 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà.

Trong lúc ấy, Upaka một ấn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bốn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: "*Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?*".

Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật, không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận,
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bốn Sư,*

*Trên đời đứng một mình,
Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nai,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp,
Thức tỉnh và hướng dẫn,
Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trống bất tử.
Rưới cam lồ giải thoát.*

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: "*Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt*".

Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà.

Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ

săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho.

Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là *Subhadda*. Khi đứa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: "*Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con*". Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: "*Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy*".

Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?*" thì đưa người ấy vào gặp đức Phật.

Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?*" Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng Upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng

chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn **Càpà**, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. *Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đầm khốn cùng,
Ta không đến bờ kia.*

292. *Càpà chọc đùa con,
Mĩa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

293. *Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại ẩn sĩ,
Kẻ bị giận chi phối,*

Khổ hạnh khó thanh tịnh.

294. *Ta sẽ rời Nàlà!*
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sống đúng pháp,
Tại đây vị Sa-môn,
Bị sắc đẹp nữ nhân,
Trói buộc vào quuyến rũ.

295. *Hãy trở lui thừa chàng,*
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hưởng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.

296. *Này Càpà phân tư,*
Điều nàng đã nói lên,
Đối kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.

297. *Chàng mắt đen của thiếp,*
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lựu nảy mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thối kèn,

Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.

298. Uớp thơm với mùi hương,
Hương chiên đàn đỏ thắm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thương,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. Như thợ săn bắt chim,
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu bữa giăng sắc đẹp,
Nàng không trối ta được!

300. Còn quả **con trai** này,
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đưa con trai của thiếp,
Đưa con trai của chàng.

301. Bạc trí bỏ con trai,
Bỏ bà con, tài sản,
Bạc đại hùng xuất gia,
Như voi biết trối buộc.

302. Con trai này của chàng,
Nay thiếp dùng gậy dao,
Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sáu muện đưa con,
Chàng không thể bỏ đi.

303. Nếu nàng quăng con trai
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.

304. Nay mong chàng tốt lành,
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?

305. Xưa đời sống chúng tôi,
Tổ chức thành đồ chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,

*Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.*

*306. Nay thật Thế Tôn này,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.*

*307. Nay chàng đi đánh lễ,
Bậc Thế Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiều quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.*

*308. Càpà, như nàng nói!
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lễ Thế Tôn vô thượng,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Ta dâng lòng cung kính.*

*309. Rời Kàla ra đi,
Dọc sông Ni-liên-thiên,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,*

Thuyết pháp **đao bất tử**.

310. Thuyết **khổ, khổ tập khởi!**

Vượt qua sự đau khổ,

Thuyết **đường Thánh tám ngàn,**

Đưa đến khổ tịnh chỉ.

311. Đánh lễ chân Ngài xong,

Hữu nhiều quanh Ngài xong,

Trình lên lời ước nguyện,

Của Càpà vợ chàng!

Rồi chàng xin xuất gia,

Sống đời không gia đình,

Chứng đạt được **Ba minh,**

Làm xong lời Phật dạy.

9 Upasanà – Tiểu III, 546

Upasanà – Tiểu III, 546 (10)

*10. Hồi Upasanà,
Hãy vượt dòng nước mạnh,
Dòng nước khó vượt qua,
Bị thân chết chi phối,
Hãy mang cái thân này,
Là cái thân cuối cùng,
Sau khi đã chiến thắng,
Ác ma với quân lực.*

Sáu Tỷ-kheo-ni này, câu chuyện giống như Tissà (VI) trừ Dhirà, được gọi là một Dhirà khác. Nàng không được bài kệ nào đọc cho nàng, nhưng nàng cảm thấy dao động khi được nghe lời Phật dạy. Dựa trên những lời này nàng tinh tấn **thiền nhất quán**, và khi nàng chứng được quả A-la-hán, nàng nói lên sự sung sướng của nàng. Các Tỷ-kheo-ni khác cũng có thái độ tương tự.

10 Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III, 328* (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xứ viễn ly, không ổn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Ty-kheo dọn sàng tọa,
Tu học **hạnh tịnh cư.***

578. *Từ những đồng rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. ***Với tâm tư hạ mình,**
Tiếp tục đi từng nhà,
Ty-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. ***Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.***

581. ***Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,
Tại gia và xuất gia.***

582. ***Như kẻ ngu, người câm,***

*Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

*383. Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

*584. Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh **chỉ**,
Đúng thời tu thiền **quán**.*

*585. Đủ tinh tấn **nhẫn** nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí **tin** tưởng tiến.*

*586. Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

11 Upasena Vangantaputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 198 (Ud 45)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ **Tôn giả Upasena Vangantaputta** trong khi độc cư thiền định, ý nghĩa như sau được khởi lên:

- *"Thật lợi ích thay cho ta, thật khéo lợi ích thay cho ta, bậc Đạo sư của ta, bậc Thế Tôn của ta, là bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác.*
- *Chúng ta được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong **Pháp Luật** khéo nói.*
- *Các vị **đồng Phạm hạnh** với ta là những người có giới, theo thiện pháp.*
- *Chúng ta là những người làm đầy đủ trong **giới luật**.*
- *Chúng ta có thiện **định**.*
- *Chúng ta có nhất tâm, là bậc A-la-hán, **đoạn tận các lậu hoặc**, chúng ta có đại thần lực, đại uy lực.*
- *Hiền thiện là mạng sống của ta.*
- *Hiền thiện là sự chết của ta."*

Rồi Thế Tôn với tâm của mình, biết được tâm của Tôn giả Upasena Vangantaputta, ngay trong lúc ấy nói lên **lời cảm hứng**:

*10. Ai sống không nhiệt nã
Khi chết không sầu muộn,
Bậc trí nếu thấy đường,
Giữa sâu, không sầu muộn,
Tỷ-kheo đoạn hữu ái,
Tâm tư được an tịnh,
Luân hồi sanh tử tận,
Vị ấy không tái sanh.*

12 Upasiva - Câu hỏi của thanh niên 6

Upasiva - Tiểu I, 791

Câu hỏi của thanh niên 6 – Upasiva – *Tiểu I*, 791

Upasiva:

1069. Tôn giả U-pa-si-va:

Kính thưa bậc Thích tử,

Một mình, không y chỉ,

Con không thể vượt khỏi,

Dòng nước lớn mạnh này,

Kính thưa bậc Biển nhãn,

Hãy nói cho sở duyên,

Y chỉ sở duyên này,

Có thể vượt qua khỏi,

Dòng nước chảy mạnh này.

Thế Tôn:

1070. Đây lời dạy Thế Tôn:

Này U-pa-si-va,

Biết gìn giữ chánh niệm,

Không mong đợi vật gì,

Ông sẽ vượt bậc lưu,

Nương tựa: "không có gì",

Ngày đêm người nhận thấy,

Đoạn dục, ly nghi ngờ,

Ái diệt là Niết-bàn.

Upasiva:

1071. U-pa-si-va nói:

Ai là người ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Thế Tôn:

1072. Thế Tôn nói như sau:

Này U-pa-si-va,

Ai hoàn toàn ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây, vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Upasiva:

1073. Nếu vị ấy tại đây,

An trú không đi tiếp,
Trong một số nhiều năm,
Ồi bậc có biến nhãn!
Nếu vị ấy tại đây,
Được mát lạnh giải thoát,
Vói vị được như vậy,
Còn có thức hay không?

Thế Tôn:

1074. Đây lời Thế Tôn nói:

Hỡi U-pa-si-va,
Cũng giống như ngọn **lửa**,
Bị sức gió mạnh thổi,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng,
Cũng vậy, vị **ẩn sĩ**,
Được giải thoát danh thân,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng.

Upasiva:

1075. Vi đi đến tận cùng,
Có phải không hiện hữu?
Hay vị ấy thường hằng,
Đạt được sự không bệnh?
Lành thay, bậc **ẩn sĩ**,
Hãy trả lời cho con,

*Có vậy, con hiểu được,
Pháp như thật Ngài giảng.*

Thế Tôn:

1076. *Thế Tôn nói như sau:*

Hỡi U-pa-si-va,

Người đi đến tận cùng,

Không thể còn ước lượng,

Với gì, nói đến nó,

Không còn có cái ấy,

Khi tất cả các pháp,

Đã được nhổ hẳn lên,

Mọi con đường nói phô,

Được nhổ lên sạch hết.

13 Upavàna – Tiểu III, 166

Upavàna – Tiểu III, 166 (153)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna.

Thấy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, **Thế Tôn bị đau nhức mỗi**, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài.

Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

*185. Bậc ỨNG CÚNG, Thiện Thệ,
Ẩn sĩ bị phong thấp,
Nếu ông có nước nóng,
Hãy cúng dường ẩn sĩ.*

*186. Cúng dường người đáng cúng,
Cung kính người đáng kính,
Tôn trọng người đáng trọng,*

*Ta mong muốn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.*

Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và Thế Tôn tỏ lời cảm ơn.

14 Uppalavanna – Tiểu III, 645

Uppalavanna – *Tiểu III*, 645 (64)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, con gái của vị trưởng kho bạc. Vì da nàng màu tím của sen xanh, nàng được gọi là Uppalavannà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, vua và thường dân dành nhau đến cưới nàng. Vị trưởng kho bạc, không thể làm cho mọi người bằng lòng, nghĩ đến một kế để giải quyết. Ông cho gọi Uppalavannà và yêu cầu nàng xuất gia. Và vì căn cơ đã thuần thục, nàng nhận lời ngay, và được đưa đến tinh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau một thời gian, khi nàng phụ trách công việc dọn dẹp phòng làm lễ Bố-tát, nàng thấp ngọn đèn quét phòng. Rồi **lấy ngọn đèn làm tướng để thiền quán**, không bao lâu nàng chứng được quả A-la-hán. Nàng trở thành vị thần thông đệ nhất. Và bậc Đạo Sư, ngồi giữa đại chúng ở Jetavana ấn chứng cho nàng là **thần thông đệ nhất**.

Nàng suy tư trên quả an lạc của thiền và thánh quả, nói lên một số bài kệ.

Đây là những lời thốt ra từ miệng một bà mẹ trở thành tình địch với con gái của mình, đối với một người mà sau này trở thành vị Tỷ-kheo tên là Tỷ-kheo ở trên bờ sông Hằng. Những bài kệ này nói lên sự nguy hiểm, sự hạ liệt và sự ướm nhiễm của các **dục**:

I

224. Hai, mẹ và con gái,
Chúng tôi sống một chồng,
Lời nàng đã nói lên,
Làm ta xúc động mạnh,
Cảnh ngộ thật hy hữu,
Làm tóc lông dựng ngược.

225. Đáng ngán thay các dục,
Bất tịnh, hôi, nhiều gai,
Ở đây, mẹ, con gái,
Chúng tôi lấy một chồng.

226. Thấy nguy hiểm trong dục,
Viễn ly an ổn vững,
Nàng xuất gia Vương Xá,
Bỏ nhà, sống không nhà.

II

Sung sướng nàng nói lên quả chứng của mình.

227. *Ta biết các đời trước,
Thiên nhân được thanh tịnh,
Trí biết được tâm người,
Nhĩ giới được trong sạch.*

228. *Ta chứng được thân thông,
Lậu tận ta đạt được,
Ta chứng sáu thắng trí,
Lời Phật dạy, làm xong.*

III

Nàng hiện lên một thân thông với sự chấp thuận của bậc Đạo Sư và ghi như sau:

229. *Do hiện hóa thân thông,
Ta đến xe bốn ngựa,
Ta đánh lễ chân Phật,
Thế giới chủ, quang vinh.*

IV

Nàng bị Ác ma đến quấy phá, tại rừng cây Sàla và trách móc Ác ma.

Ác ma:

230. Nàng đi đến gốc cây,
Đang nở hoa tuyết đẹp,
Nàng đến, đứng một mình,
Dưới gốc cây có hoa!
Nàng đến chỉ một mình;
Này kẻ đại khờ kia,
Sao nàng lại không sợ,
Có kẻ căm dỗ nàng!

Nàng:

231. Trăm ngàn người căm dỗ,
Có đến đây như người,
Mảy lông ta không động,
Ta không gì hoảng hốt,
Ác ma, làm gì ta,
Khi người đến một mình.

232. Ta có thể biến mất,
Hay vào bụng nhà người,
Ta đứng giữa hàng mi,
Người không thấy ta đứng.

233. Với tâm khéo nhiếp phục,
Thần tức khéo tu trì,
Sáu thắng trí, ta chứng,

Lời Phật dạy, làm xong.

234. **Các dục giống gương giáo,**

Chém nát các uẩn ta,

Những dục mà người gọi,

Là lạc thú cuộc đời,

Ngày nay, dục lạc ấy,

Với ta, không hấp dẫn.

235. **Ở tất cả mọi nơi,**

Hỷ lạc được đoạn tận,

Khỏi tối tăm mù ám,

Đã bị làm tan nát,

Hỡi này kẻ Ác ma,

Người hãy biết như vậy,

Người chính là Ác ma,

Người đã bị bại trận.

15 Upàli – Tiểu III, 203

Upàli – Tiểu III, 203 (180)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong gia đình một người cạo tóc tên là Upàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia, theo gương của Anuruddha và năm vị con cháu hoàng tộc, khi đức Phật ở tại rừng Anupiyà.

Khi ngài nhận một đề tài để thiền quán, ngài yêu cầu đức Phật đừng đưa ngài đi sống ra ngoài khu rừng. Đức Phật dạy: *"Nếu Thầy sống trong rừng, Thầy chỉ phát triển được một vấn đề, nhưng nếu Thầy sống với Ta, Thầy sẽ trở thành thuần thục cả về **kinh học và thiền quán**".* Ngài vâng theo lời bậc Đạo Sư khuyên tu **thiền quán** và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Tuy vậy, bậc Đạo Sư dạy cho ngài cả **Luật tạng**. Về sau, khi Upàli được Thế Tôn khen vì Upàli đã phán quyết trong ba trường hợp về *Ajjuka*, về *Tỷ-kheo Kurukacchaka* và *Kumàra-Kacapa*, ngài được xem là vị hiểu biết Luật tạng.

Trong một ngày trai giới, khi ngài đang đọc giới bốn Pàtimokkha, ngài giáo giới các Tỷ-kheo như sau:

248. *Vì lòng tin ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Hãy sống với bạn lành,
Mạng thanh tịnh, không nhác.*

249. *Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Tỷ-kheo trú giữa chúng,
Sáng suốt, học Luật tạng.*

250. *Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Khéo biết việc nên làm,
Và việc không nên làm,
Hãy để vị ấy sống,
Không để cao tôn xưng.*

16 Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254

Uruvelà Kassapa – *Tiểu III*, 254 (210)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm **anh cả trong ba anh em một gia đình Bà-la-môn tên Kassapa**, và cả ba đều học thông ba tập Vệ-đà.

Ba anh em có đến **năm trăm, ba trăm và hai trăm** thanh niên đệ tử vì không tìm được chân lý trong kinh điển của họ, chỉ tìm thấy những vấn đề thế tục, nên họ từ bỏ gia đình và trở thành những ẩn sĩ.

Cả ba được đặt tên tùy theo chỗ ở của mỗi vị, và ngài được gọi là Uruvelà Kassapa vì ngài ở Uruvelà.

Một số sự kiện đã xảy ra, vị Bồ-tát xuất gia, chuyển Pháp luân, năm vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán, năm mươi bạn đứng đầu là Yasa được hóa độ, **sự xuất phát của vị A-la-hán để thuyết pháp độ sanh**, sự hóa độ ba mươi người bạn giàu có, bậc Đạo sư đi đến Uruvelà. Khi Thế Tôn hiện ra nhiều thần thông bắt đầu với sự nhiếp phục con **rắn**, Kassapa khởi lòng tin và xuất gia, hai người em cũng bắt chước người anh cả. Thế Tôn giảng **kinh Adittapariyàya** cho ba anh em Kassapa với một ngàn đệ tử và khiến mọi người chứng quả A-la-hán.

Uruvelà Kassapa ôn lại sự thành quả của mình, nói lên chánh trí với những bài kệ như sau:

375. *Thấy được các thần thông,
Gotama danh tiếng,
Nhưng ta chưa thần phục,
Bị ganh, mạn lừa dối.*

376. *Bậc Điều Ngự loài Người,
Biết được tâm tư ta,
Chất vấn, ta hốt hoảng,
Kỳ diệu lông dựng ngược.*

377. *Xưa ta thuộc bện tóc,
Thần thông ta nhỏ mọn,
Ta xem chúng vô dụng,
Ta xuất gia đầu Phật,*

378. *Xưa bằng lòng tế tự,
Xem dục giới hàng đầu,
Sau ta nhổ tận sạch,
Cả tham, sân và si.*

379. *Ta biết các đời trước,
Thiên nhãn ta trong sạch,
Thần thông biết tâm người,
Thiên nhĩ, ta đạt được.*

*380. Do đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy ta đạt được,
Mọi kiết sử tận diệt.*

17 Usabha – Tiểu III, 116

Usabha – Tiểu III, 116 (110)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, ngài khởi lên lòng tin khi bậc Đạo Sư nhận lãnh tinh xá Jetavana (Kỳ Viên).

Sau khi hành trì hạnh Sa-di, ngài sống trong rừng dưới chân núi. Vào mùa mưa, các mây xả mưa xuống cây cỏ trong rừng, các bụi cây nhóm cây đều đầy những hoa lá. Rồi ngài từ hang đi ra, thấy cây cối xanh tươi đẹp nên nghĩ rằng: "*Các cây và các cây lau này không có ý thức, tuy vậy với mùa mưa tiếp sức, chúng được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tánh tốt đẹp khi ta đã đạt thời tiết thuận tiện?*"

Rồi ngài nói lên bài kệ, tuyên bố chánh trí của ngài, và với **tinh tấn nghị lực**, ngài chứng quả A-la-hán.

*110. Những cây được vươn cao,
Nhờ mây cao tưới mát,
Với mưa mới thấm nhuần,
Được xanh tươi lớn mạnh,
Đối với U-xa-bha,
Ưa thích sống viễn ly,*

*Ý thức được rừng núi,
Vị ấy khiến sanh khởi,
Rất nhiều điều tốt đẹp.*

18 Usabha – Tiểu III, 173

Usabha – Tiểu III, 173 (159)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong gia đình một vị vua Sakka, được đặt tên là *Usabha*.

Khi đức Phật về thăm bà con, ngài thấy sức mạnh và sự sáng suốt của đức Phật, khởi lòng tin và xuất gia, nhưng ngài không làm các bốn phân của người tu hành, cả ngày giao du nhiều người, ban đêm thời lo ngủ.

Một hôm, với tâm tư hôn trầm phóng dật, ngài nằm ngủ, ngài mộng thấy ngài cạo đầu, đắp áo cà-sa, ngồi trên lưng voi đi vào thành để khát thực; tại đây, thấy quần chúng tụ tập đông đảo, ngài cảm thấy xấu hổ và xuống voi không ngồi nữa.

Ngài thức dậy, suy nghĩ: "*Vì sao, đây là con mộng hôn trầm và phóng dật, ta thấy ta nằm ngủ với tâm u u não*", ngài an trú **thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Như vậy lấy con mộng làm đề tài khích lệ, ngài dùng những bài kệ để nói lên chánh trí của ngài:

197. Vai đắp phủ tấm y,

*Giống như màu bông xoài,
Ngồi trên lưng con voi,
Ta vào làng khát thực.*

*198. Từ lưng voi leo xuống,
Ta cảm nhận xúc động,
Trước ta rất **ngạo mạn**,
Nay ta thật **lắng dịu**,
Ta đã chứng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn diệt.*

19 Uttama – Tiểu III, 566

Uttama – Tiểu III, 566 (30)

Sau nhiều đời làm việc lành, nàng được sanh trong nhà một triệu phú ở Sàvatthi, trong thời đức Phật hiện tại. Khi nàng lớn tuổi, nàng nghe Patàcàrà thuyết pháp và xin xuất gia.

Nhưng nàng chưa chứng được quả vị thiên quán. Patàcàrà biết được tâm trạng của nàng, nên thuyết giảng cho nàng và nhờ vậy nàng chứng quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ.

Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên sự sung sướng của nàng.

42. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tình xá.
Nhưng tâm không an tịnh,
Không nhiếp phục được tâm.

43. Ta đến Tỷ-kheo -ni,
Với ta đồng tín nữ,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Với *uẩn*, *xứ* và *giới*.

44. *Nghe xong pháp nàng thuyết,
Như nàng đã dạy ta,
Bảy ngày ngồi kiết-già,
Ta thọ hưởng hỷ lạc,
Mông tám ta đuổi chân,
Phá tan khối si ám.*

Bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của nàng.

20 Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakàra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sàriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sàriputta.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền bắt ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trừng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, nhờ **thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng **sáu thắng trí**.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thân thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"**Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả.**"*

121. Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,
Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.

Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

21 Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?*" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các uẩn,
Thoát ly kẻ gài lưới,
Tu tập giác chi xong,

*Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

22 Uttarapàla – Tiểu III, 205

Uttarapàla – Tiểu III, 205 (181)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là Uttarapàla.

Ngài thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học.

Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, **dục vọng** tấn công ngài, và **sau một thời chiến đấu tư tưởng mãnh liệt**, ngài chận đứng các phiền não, và **triển khai thiên quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Suy tư đến chiến thắng, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

251. *Ta thật là hiền thiện,
Suy tư mục đích tốt,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Là thế giới si mê.*

252. **Sanh trong giới vức ma,**
Bị tên mạnh xung kích,
Nhưng ta giải thoát được,

Cạm bẫy của Ma vương.

*253. Mọi dục, ta đoạn tận,
Mọi sanh hữu, hủy hoại,
Đường sanh tử chấm dứt,
Nay không còn tái sanh.*

23 Uttarà - Kinh Một Uttarà Khác – Tiểu III, 567

Một Uttarà Khác – Tiểu III, 567 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Kosala. Đến tuổi trưởng thành khi đang đi ở làng quê, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, nàng **xuất gia, chứng được quả A-la-hán** với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên bài kệ:

45. ***Bảy pháp Giác chi** này,
Con đường đạt Niết-bàn,
Tất cả ta tu tập,
Như lời đức Phật dạy.*

46. ***Do quán không, vô tướng,**
Ta đạt quả mong muốn,
Ta thành con gái Phật,
Sanh ra từ miệng Ngài,
Luôn luôn ta hoan hỷ.*

47. *Trong an lạc Niết-bàn,
Mọi dục được đoạn diệt,*

*Dục trời và dục người,
Vòng sanh hữu đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

24 Uttarà – Tiểu III, 551

Uttarà – Tiểu III, 551 (15)

Câu chuyện của Uttarà cũng giống như câu chuyện của Tissà (IV). Và khi nàng chứng quả A-la-hán, nàng nói lên bài kệ này:

*15. Ta đã chế ngự được,
Thân miệng và tâm tư,
Ta chinh phục khát ái,
Cho đến tận gốc rễ,
Ta sống được mát lạnh,
Trong tịch tịnh, an lặng.*

25 Uttarà – Tiểu III, 626

Uttarà – Tiểu III, 626 (58)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình thường dân, tên là Uttarà.**

Khi đến tuổi trưởng thành, **nàng nghe Patàcàrà thuyết pháp**, trở thành một tín nữ, xuất gia và trở thành vị A-la-hán. Rồi suy tư trên quả chứng của mình, nàng phẩn khởi nói lên bài kệ:

*175. Loài Người trong tuổi trẻ,
Cầm chày giã lúa gạo,
Tuổi trẻ được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*176. Hãy hành lời Phật dạy,
Không làm gì nhiệt nảo,
Rửa chân thật mau lẹ,
Hãy ngồi xuống một bên.*

*177. Sau khi an trú tâm,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
**Hãy quán sát các hành,
Thuộc ngoại, không thuộc ngã.***

178. Ta nghe lời giáo huấn,
Lời Patàcàrà;
Sau khi ta rửa chân,
Bước vào, ngồi một bên.

179. Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đời quá khứ,
Trong đêm canh chặng giữa
Thiên nhãn được thanh tịnh.

180. Trong đêm canh cuối cùng,
Khởi si ám tan tành,
Từ ba minh, đứng dậy
Giáo huấn Ngài, làm xong.

181. Như Thiên chủ Sakka,
Ở cõi trời Ba mươi,
Không bao giờ bại trận,
Ở tại các chiến trường,
Ta sống, tôn xưng Ngài,
Là bậc Thầy lãnh đạo,
Ta chứng được Ba minh,
Ta không còn lậu hoặc.

Một hôm nàng tu tập thiền quán dưới sự hướng dẫn của Patàcàrà, ngồi trong phòng của nàng, nàng suy nghĩ: **"Ta sẽ không ngồi dậy nếu tâm ta không giải**

thoát khỏi các lậu hoặc". Quyết định như vậy, nàng **triển khai trí tuệ, thiền quán**, chứng được quả A-la-hán, với sức mạnh trực giác và triệt quán Chánh pháp. Sau khi tiếp tục quán mười chín đề tài với ý thức "không biết ta có làm đủ những điều cần phải làm chăng", nàng nói lên sự sung sướng của nàng với những bài kệ ghi ở trên và nàng duỗi chân ra. Khi trời rạng đông và đêm đã sáng, nàng tìm gặp vị Tỷ-kheo-ni và lập lại những bài kệ của nàng.

26 Uttiya - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển**

khai lòng từ. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

51. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

52. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

53. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,*

*Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

27 Uttiya – Tiểu III, 107

Uttiya – Tiểu III, 107 (99)

Ngài tái sinh ở Kapilavatthu, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là Uttiya.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, **thiền định của ngài bị thôi thất và lòng *đục* khởi lên.** Ché ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhàm chán các ***đục*** trong bài kệ sau đây:

99. *Nghe **tiếng**, mất chánh niệm,
Tác ý **tưởng** luyến ái,
Tâm cảm **thọ** say mê,
Đắm trước tướng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến nhiễm luân hồi.*

28 Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,
Không phải thời phóng dật.*

29 Uẩn - 3 vô học uẩn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 363

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 363 (Tik. I, 10) (It. 50).

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác ma, và chói sáng như mặt trời. Thế nào là ba?

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn.***

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác-ma, và chói sáng như mặt trời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Giới, định và trí tuệ,
Với ai khéo tu tập,
Vị ấy vượt qua khỏi,
Thế lực của Ác ma,
Và chói sáng rực sáng,*

Như mặt trời chói sáng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

30 Uẩn - Các uẩn được khởi lên, Đến đời khác diệt vong - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakàra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sàriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của **người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sàriputta**.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một **người ăn trộm**, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. **Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền**

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

31 Uẩn - Giới uẩn... Giải thoát tri kiến uẩn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 441

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 441 (Cat. 5)
(It. 106)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào đầy đủ **giới**, đầy đủ **định**, đầy đủ **tuệ**, đầy đủ **giải thoát**, đầy đủ **giải thoát tri kiến**, những vị giáo giới, những vị giảng dạy, những vị tuyên bố, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, những bậc xứng đáng thuyết minh diệu pháp.

- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **thấy** các vị như vậy là **lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy**.
- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **nghe** các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.
- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ đi đến **yết kiến** các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.
- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **thân cận** các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **nhớ** nghĩ đến các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ tùy theo các vị như vậy **xuất gia** là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.

Vì có sao?

Nay các Tỷ-kheo, khi phục vụ, chia sẻ, thân cận những Tỷ-kheo như vậy, thời **giới uẩn** chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, **định** uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, **tuệ** uẩn chưa được đầy đủ đi đến tu tập đầy đủ, **giải thoát uẩn** chưa được đầy đủ, đi đến được tu tập đầy đủ, **giải thoát tri kiến uẩn** chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ.

Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo như vậy:

- được gọi là những **bậc Đạo sư**,
- được gọi là những **người cầm đầu đoàn lữ hành**,
- được gọi là những **vị đã từ bỏ những nguyên nhân tác hại**,
- được gọi là những **vị quét sạch tối tăm**,
- được gọi là những **vị tác thành minh**,
- được gọi là những **vị tác thành quang**,

- được gọi là những **vị tác thành ánh sáng**,
- được gọi là những **vị cầm bó đuốc**,
- được gọi là những **vị phóng quang**,
- được gọi là những **bậc Thánh**,
- được gọi là những **người có mắt**.

Đây là căn cứ địa,
 Những vị phóng hào quang,
 Chính nhờ hiểu biết vậy,
 Tức là, đối tự ngã,
 Những vị có tu tập,
 Là những **bậc Hiền Thánh**,
 Sống đúng theo Chánh pháp,
 Họ chói sáng diệu pháp,
 Họ nói lên diệu pháp,
 Họ phóng được hào quang,
 Là những **bậc có trí**,
 Tác thành ra ánh sáng,
 Họ là người có mắt,
 Họ từ bỏ nguyên nhân,
 Tạo ra điều tác hại,
 Bậc trí với chánh trí,
 Nghe lời dạy vị ấy,
 Do thắng tri sanh diệt,
 Không đi đến tái sanh.

32 Uẩn - Hãy như lý quán sát, Các uẩn là đau khổ - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Guơm sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chịt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút guơm,
Guơm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Với lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cần nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Với nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Đây tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-đà.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bậc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
**Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.***

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. ***Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,***

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

33 Uẩn - Liễu Tri Năm thủ uẩn, Tu tập con đường Thánh - kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250

Sonakutikanna – Tiểu III, 250 (208)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Avanti, trong một gia đình rất giàu có, và được đặt tên là Sona. Vì đeo một bông tai đắt giá, ngài cũng được gọi là Koti hay *Kutikanna* (người có lỗ tai đắt giá).

Lớn lên, ngài trở thành một điền chủ, và khi Trưởng lão *Mahà Kaccàna* ở gần bên nhà, ngài cung cấp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động, xin xuất gia với Trưởng lão Kaccàna. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn.

Được phép ngủ đêm trong chái phòng đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu *Athaka*. Khi đọc đến câu: "*Thấy sự nguy hiểm của một đời thế tục*", ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài được đức Bôn Sur bằng lòng về ba vấn đề mà vị Trưởng lão Mahà Kaccàna giao cho ngài hỏi, ngài trở về chỗ cũ và thừa lại với bậc giáo thọ sư của

mình (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập Udàna và tập số Anguttara, nhưng ở đây lại nói ngài chứng quả A-la-hán khi còn học tập với vị giáo thọ sư của mình).

Rồi, trong khi sống, thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài ôn lại sự thành đạt của mình, và với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*364. Ta thọ được đại giới,
Ta giải thoát vô lậu,
Thế Tôn, ta được thấy,
Ta sống chung tịnh xá.*

*365. Thế Tôn, trải nhiều ngày,
Sống ngay ở ngoài trời,
Đạo Sư khéo an trú,
Rồi mới vào tịnh xá.*

*366. Trải y Tăng-già-lê,
Gotama nằm xuống,
Như sư tử hang đá,
Đoạn tận mọi sợ hãi.*

*367. Khéo lựa lời tốt lành,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Trước đức Phật tuyệt hảo,*

Sona thuyết diệu pháp.

368. Liễu Tri **Năm thủ uẩn,**
Tu tập con đường Thánh,
Đạt an tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

34 Uẩn - Năm uẩn được liễu tri - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275 (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài**. Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

35 Uẩn - Năm uẩn được rõ biết, Tồn tại sẽ cắt đứt - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98

Sàmidatta – Tiểu III, 98 (90)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Nhưng vì **thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập**, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Làm sao Hiền giả chứng được pháp Thượng nhân?" Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,*

*Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

36 Uẩn - Năm uẩn được rõ biết, Đứng với rễ chặt đứt - Kinh Isidatta – Tiểu III, 125

Isidatta – Tiểu III, 125 (120)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong xứ Avanti, tại vườn Velugàma, làm con một người lữ hành trưởng, ngài trở thành bạn của **Citta**, một gia chủ ở Macchikasanda, bằng cách giao thiệp thư từ dầu cho hai người chưa gặp nhau.

Citta viết cho ngài về sự tuyệt diệu của đức Phật, gửi cho ngài tư liệu về tổ chức giáo hội, ngài cảm thấy xúc động mạnh và xin xuất gia, với sự chỉ đạo của Mahà Kaccàna (Đại Ca-chiên-diên).

Cuối cùng ngài chứng được **sáu thắng trí**, ngài quyết định đi đến yết kiến đức Phật, từ biệt Trưởng lão, và đi đến xứ Trung biên (thung lũng sông Hằng) yết kiến đức Bôn Sư.

Bậc Đạo Sư hỏi ngài về sự tiến bộ trên đường tu hành, ngài trả lời: "**Từ khi con tu tập trong Pháp và Luật của Ngài, mọi sầu khổ đều chấm dứt, và con sống không có sợ hãi**". Rồi ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

120. **Năm uân** được rõ biết,
Đứng với rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Lậu hoặc diệt, ta chứng.

37 Uẩn - Quán sanh diệt trong năm uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, **được ăn một bữa ăn thích hợp**, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tăng trưởng hạnh viên ly.

38 Uẩn - Ta liễu tri các uẩn, Ta khéo nhỏ tham ái - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?*" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các uẩn,
Thoát ly kẻ gài lưới,

*Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

39 Uẩn - Thấy như thật các uẩn, Đoạn sanh tử luân hồi - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96

Pavittha – Tiểu III, 96 (87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sống ở quốc độ Magadha, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiên về đời sống ẩn sĩ, ngài trở thành một du sĩ.

Sau khi học tập, ngài đi chỗ này chỗ khác, nghe Upatissa và Kolita (Sàriputta và Moggallàna) xuất gia theo đức Phật, nghĩ rằng giáo hội này phải tốt đẹp mới có những vị như vậy chấp nhận. Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ này:

*87. Thấy như thật các uẩn,
Mọi sanh hữu phá hủy,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Nay không còn tái sanh.*

40 Uẩn - Trưởng lão ni Mittakali - Kinh Mittakali – Tiểu III, 588

Mittakali – *Tiểu III*, 588 (43)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở xứ dân chúng Kuru, tại thành Kammāsadamma. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng được **nghe giảng về Bốn niệm xứ** và xuất gia làm Tỷ-kheo-ni.

Trong **bảy năm** nàng ưa thích được cúng dường, được trọng vọng và thường hay gây lộn cãi vã về sau nàng biết **như lý tác ý, triển khai thiền quán** và chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của nàng.

92. Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta sống tâm hướng mạnh,
Theo lợi dưỡng cung kính.

93. Từ bỏ đích tối thượng,
Phục vụ đích hạ liệt,

*Bị phiền não ngự trị,
Bỏ đích Sa-môn hạnh.*

*94. Ngồi trong phòng tinh xá,
Ta cảm bị dao động,
Ta đi vào tà đạo,
Khát ái ngự trị ta.*

*95. Ngăn ngừa sinh mạng ta,
Già, bệnh đang đè nặng,
Trước khi thân hủy diệt,
Giờ phóng dật không còn.*

*96. Như thật ta quán sát,
Sinh diệt của các uẩn,
Tâm giải thoát, ta chứng,
Lời Phật dạy làm xong.*

41 Uẩn - Trưởng lão ni Patàcàrà - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598

Patàcàrà – Tiểu III, 598 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi.

Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ.

Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hội cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con **rắn** từ gò mồi

bờ ra cản chồng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rấn cản chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thời thấy một con **diều hâu**, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết.

Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hờ hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đưa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả toại, nàng được gọi là **Patacàra (kẻ mang xiêm áo)**. Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và **biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi**, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất.

Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: *"**Thế Tôn hãy cứu độ cho con: Một đứa con bị chim điều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết, cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng**".*

Đức Phật nói: "Này Patacàra, Đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu độ cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều hơn nước sông bốn biển".

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "*Ôi Patacàra, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm **chỗ nương tựa**. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống **giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn**".* Rồi đức Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,*

*Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: *"Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già"*.

Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: *"Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ*

*một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không
thấy được sự thật ấy":*

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hột giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*113. Sao ta, giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.*

*114. Khi ta đang rửa chân,
Làm cho dòng nước chảy,*

*Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.*

*115. Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn quán ngọn đèn.*

*116. Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tim đèn xuống dần,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

42 Uẩn, giới, xứ - Trưởng lão ni - Kinh Sonà – Tiểu III, 591

Sonà – Tiểu III, 591 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được **sinh trong một gia đình quý tộc ở Sàvatthi**. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được **muời** người con trai, con gái và được biệt danh là "người nhiều con".

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả gia sản cho các con trai, không giữ gì cho thân mình. **Các con trai và con dâu nuôi dưỡng nàng, không bao lâu trở mặt khinh rẻ nàng**.

Nàng buồn cho thái độ các dâu con, xuất gia trở thành Tỷ-kheo-ni. Nàng suy nghĩ, nàng đã lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần, tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão Ni, nàng thức đêm tu học, **nàng kiên trì học tập, không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp nắm các cột trong mái hiên, hay chụp nắm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm**.

Hạnh tinh tấn của nàng được mọi người biết, và **bậc Đạo Sư biết được trí tuệ của nàng đã chín muồi, nên**

phóng hào quang, hóa hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.*
(Pháp cú. 114)

Khi đức Phật nói câu này xong, nàng chứng được quả A-la-hán. Thế Tôn tán thán là "Tỷ-kheo-ni **tinh tấn đệ nhất**".

Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên những bài kệ:

*102. Ta sanh được mười con,
Trong thân chất chứa này,
Do vậy ta già yếu,
Ta đến Tỷ-kheo-ni.*

*103. Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **uẩn, xứ và giới**,
Nghe pháp nàng thuyết giảng.
Cắt tóc ta xuất gia.*

104. Ta học lời nàng dạy,

*Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Ta biết các đời trước,
Chỗ ta sống đời trước.*

*105. Ta tu pháp vô tướng,
Nhất tâm khéo thiền tịnh,
Tức thời ta giải thoát,
Không chấp thủ tịch tịnh.*

*106. Năm uẩn được liễu tri,
Đứng lại, gốc bị cắt,
Tham dục, ta không có,
Căn cứ địa kiên trì?
Từ nay ta không còn,
Vấn đề phải tái sanh.*

43 Uẩn, xứ, giới - Trưởng lão ni - Kinh Một Tỷ Kheo Ni Vô Danh – Tiểu III, 579

Một Tỷ Kheo Ni Vô Danh – *Tiểu III*, 579 (38)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Devadaha và trở thành người **nữ điều dưỡng cho Mahàpajàpati**. Nàng tên là Vaddhesi nhưng tên gia tộc nàng không được biết đến khi chủ nàng xuất gia, nàng cũng xin xuất gia theo.

Nhưng trong **hai mươi lăm** năm nàng bị các **dục** chi phối ám ảnh, không được thiền định dầu cho đến một **sát-na**. Nàng than van tình trạng của nàng cho đến khi nàng được nghe *Dhammadinnà* thuyết pháp. Rồi **tâm nàng xa lánh các dục**, nàng tu tập **thiền định** và cuối cùng nàng chứng được **sáu thắng trí**. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên bài kệ:

67. Đã được **hai lăm năm**,
Từ khi ta xuất gia,
Cho đến búng ngón tay,
Tâm ta không lắng dịu.

68. Tâm không được an tịnh,

*Vì đầy ứ dục tham,
Ta giờ tay khóc than,
Ta đi vào tình xá.*

*69. Ta đến vị Ni ấy,
Đồng tín nữ với ta,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **uẩn**, **xứ** và **giới**.*

*70. Nghe pháp nàng giảng dạy,
Ta ngồi vào một bên,
Ta hết đời quá khứ,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Với **trí biết tâm người**,
Lỗi tai được thanh tịnh.*

*71. **Ta chứng thân tức thông**,
Ta đạt được lậu tận,
Sáu thắng trí ta chứng,
Lời Phật dạy đã làm.*

44 Uẩn, xứ, giới - Trưởng lão ni Uttama - Kinh Uttama – Tiểu III, 566

Uttama – *Tiểu III*, 566 (30)

Sau nhiều đời làm việc lành, nàng được sanh trong nhà một triệu phú ở Sàvatthi, trong thời đức Phật hiện tại. Khi nàng lớn tuổi, nàng nghe Patàcàrà thuyết pháp và xin xuất gia.

Nhưng nàng chưa chứng được quả vị thiên quán. Patàcàrà biết được tâm trạng của nàng, nên thuyết giảng cho nàng và nhờ vậy nàng chứng quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ.

Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên sự sung sướng của nàng.

42. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tinh xá.
Nhưng tâm không an tịnh,
Không nhiếp phục được tâm.

43. Ta đến Tỷ-kheo -ni,
Với ta đồng tín nữ,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Với *uẩn*, *xứ* và *giới*.

44. *Nghe xong pháp nàng thuyết,
Như nàng đã dạy ta,
Bảy ngày ngồi kiết-già,
Ta thọ hưởng hỷ lạc,
Mông tám ta đuổi chân,
Phá tan khối si ám.*

Bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của nàng.

45 Uống rượu men, rượu nấu, Người sống đam mê vậy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Câu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo,**
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**
Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cỏi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu ế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không ế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**
Sống lỗ mẫn như quạ,

Sống công kích huênh hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng **chỉ trích**,
Người ấy **lậu hoặc tăng**,
Rất xa lậu hoặc diệt.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

46 Uả danh không tương xứng, Muốn ngồi trước tỷ kheo - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;

Ác nghiệp chín mươi rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy
Dục và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

47 Ưa ghét - Từ đâu tham, sân, sợ hãi, thích, ghét, suy nghĩ sanh khởi_ - Kinh Sùciloma - Tiểu I, 551

Kinh Sùciloma – Tiểu I, 551 (Sn 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Gayà, ở Tamkitamanca tại trú xứ của Dạ-xoa Sùciloma. Lúc bấy giờ, Dạ-xoa Khara, Dạ-xoa Sùciloma đi qua Thế Tôn không bao xa. Dạ-xoa Khara nói với Dạ-xoa Sùciloma: Đây là Sa-môn. Đây không phải là Sa-môn. Đây là Sa-môn hay là Sa-môn giả hiệu. Rồi Dạ-xoa Sùciloma đi đến Thế Tôn, sau khi đến cơ xát thân Thế Tôn. Thế Tôn tránh né thân của mình, rồi Dạ-xoa Sùciloma nói với Thế Tôn:

- Có phải Sa-môn sợ ta?
- Này Hiền giả, Ta không sợ Ông, **nhưng xúc chạm với Ông là ác.**
- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài, nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm cho tâm Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ bên kia sông Hằng.

- Nay Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, với chư Thiên, Ác ma và Phạm Thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm cho tâm Ta điên loạn hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân của Ta, sẽ quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, nay Hiền giả, Ông cứ hỏi Ta như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa Sùciloma với câu kệ nói với Thế Tôn:

Sùciloma:

270. *Từ những nguyên nhân nào,
Tham và sân khởi lên?*

Không ưa thích, ưa thích?

Sợ hãi từ đâu sanh?

Từ đâu được sanh khởi,

Các suy tầm của ý?

Như đứa trẻ độc ác,

Thả cho con quạ bay?

Thế Tôn:

271. *Từ những nguyên nhân này,*

Tham, sân *được khởi lên,*

Không ưa thích, ưa thích,

Sợ hãi *từ đây sanh,*

Từ đây được sanh khởi,

Các suy tầm của ý,

*Như đứa trẻ độc ác,
Thả cho con quạ bay.*

272. ***Sự hiện hữu của ngã,***
*Chính do **thân ái** sanh,
Như các loại cây bàng,
Do thân cây bàng sanh.
Sự triền phược các **dục**,
Thật rộng lớn vô cùng,
Như cây Máluvà,
Tỏa rộng lan khắp rừng.*

273. *Hãy nghe! Này Dạ-xoa,
Những ai được rõ biết,
Từ đâu, khiến sanh khởi,
Họ tẩy sạch nhân ấy.
Họ vượt qua dòng nước,
Chảy mạnh khó vượt này,
Trước chưa được vượt qua,
Không còn có tái sanh.*

48 Ước muốn - Tẩy sạch ước muốn tham đối với các pháp được thấy, nghe... là Niết bàn - Kinh Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798

Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka – *Tiểu I*, 798

Hemaka:

1084. Tôn giả He-ma-ka:
*Những ai trong thời trước,
Đã trả lời cho con,
Về lời dạy Cù-đàm,
Trước đã như thế nào,
Sau sẽ là như vậy,
Tất cả đều truyền thống,
Tất cả tăng suy tư.*

1085. Đây, con không hoan hỷ,
Ngài nói Pháp cho con,
Ồi mong bậc ẩn sĩ,
Nói Pháp đoạn khát ái,
Biết xong, sống chánh niệm,
Vượt ái trước ở đời.

Thế Tôn:

1086. He-ma-ka ở đây,

Đối các Pháp khả ái,
Được **nghe** và được **thấy**,
Được **cảm** tưởng, nhận **thức**,
Tẩy sạch ước muốn tham,
Là Niết-bàn, bất tử.

1087. *Biết vậy, giữ chánh niệm,
Hiện tại, đạt mát lạnh,
Vị ấy thường an tịnh,
Vượt chấp trước ở đời.*

49 Ước muốn - Ước muốn sanh khởi do khả ý, bất khả ý - Kinh Tranh luận - Tiểu I, 725

Kinh Tranh luận – *Tiểu I*, 725

Người hỏi:

862. *Từ đâu được khởi lên,
Các tranh luận, đấu tranh,
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lười,
Từ đâu chúng sanh nhiều,
Mong Ngài hãy nói lên?*

Thế Tôn:

863. *Từ **ái** sanh khởi nhiều,
Các tranh luận, đấu tranh,
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lười,
Các tranh luận, đấu tranh,*

Đều liên hệ **xan tham**,
Những lời nói hai lưởi,
Khởi lên từ tranh luận.

Người hỏi:

864. *Do những nhân duyên nào,*
Khả ái sanh ở đời?
Hay những tham lam nào,
Được lưu hành ở đời?
Ước vọng và thành đạt,
Là do nhơn duyên nào?
Khiến loài Người được sanh,
Trong thời gian tương lai?

Thế Tôn:

865. Do **ước muốn** là nhân,
Khả ái sanh ở đời,
Hay với những tham lam,
Được lưu hành ở đời,
Ước vọng và thành đạt,
Do ước muốn làm nhân,
Khiến loài Người được sanh,
Trong thời gian tương lai.

Người hỏi:

866. *Ước muốn sanh ở đời*
Là do nhân duyên nào?
Hay cả những quyết định,
Do nhân nào được sanh?
Phần nộ và vọng ngữ,
Cùng với cả nghi hoặc,
Hoặc là những pháp nào,
Được Sa-môn nói đến?

Thế Tôn:

867. *Khả ý, bất khả ý,*
Được gọi vậy ở đời,
Do y chỉ nơi chúng,
Ước muốn được sanh khởi.
Sau khi thấy trong sắc,
Cả hữu và phi hữu,
Chúng sanh mới làm được,
Những quyết định ở đời.

868. *Phần nộ và vọng ngữ,*
Cùng với cả nghi hoặc,
Những pháp này lưu hành,
Khi pháp đôi có mặt,
Kẻ nghi hãy học tập,
Trên con đường chánh trí,

Sau khi biết các pháp,
Do Sa-môn thuyết giảng.

Người hỏi:

869. Khả ý, bất khả ý,
Là do nhân duyên nào,
Do cái gì không có,
Họ không có hiện hữu.
Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Hãy nói cho chúng con,
Nguyên nhân gì chúng sanh?

Thế Tôn:

870. Do nhân duyên **cảm xúc**,
Khả ý, bất khả ý,
Nếu không có cảm xúc,
Họ cũng không hiện hữu,
Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Ta nói cho Ông rõ,
Nguyên nhân này, chúng sanh.

Người hỏi:

871. Còn cảm xúc ở đời,
Do nhân gì sanh khởi,
Hay các loại chấp thủ,
Do từ đâu sanh nhiều,
Do cái gì không có,
Ngã sở hữu không có,
Cái gì không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc?

Thế Tôn:

872. Do duyên **danh** và **sắc**,
Nên có các cảm xúc,
Do nhân các **ước muốn**,
Nên có những chấp thủ,
Nếu ước muốn không có,
Ngã sở hữu cũng không,
Do sắc không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc.

Người hỏi:

873. Sở hành như thế nào,
Sắc pháp không hiện hữu?
An lạc và khổ đau,
Thế nào không có mặt?
Hãy nói lên cho con,

*Không có như thế nào,
Chúng con muốn được biết,
Tâm ý con nói vậy.*

Thế Tôn:

874. ***Không có tướng các tướng,
Không có tướng vô tướng,
Phi tướng cũng không có,
Vô hữu tướng cũng không.***
*Do sở hành như vậy,
Sắc pháp không hiện hữu,
**Do nhân duyên các tướng,
Hý luận** được hình thành.*

Người hỏi:

875. *Ngài đã nói chúng con,
Những điều chúng con hỏi,
Có điều nữa hỏi Ngài,
Mong Ngài trả lời cho,
Bậc Hiền trí nói rằng,
Như thế này tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa
Hay là chúng muốn nói,
Có điều gì khác nữa?*

Thế Tôn:

876. Bạc Hiền trí nói rằng,
N hư thế là tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa,
N hư có người nói rằng,
Chính là sự hoại diệt,
Lại một số thiện nhân,
Nói rằng: "Không dư y".

877. Biết được những pháp ấy,
Đều nương tựa y chỉ,
Biết vậy bậc ẩn sĩ,
Suy tư trên y chỉ,
Biết được, nên giải thoát,
Không đi đến tranh luận,
Bạc Hiền không tìm đến,
Cả hữu và phi hữu.

50 Ước vọng pháp ly ngôn, Ý cảm xúc thượng quả - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73

Phẩm Hỷ Ái – *Tiểu I*, 73

209. Tự chuyên, không đáng chuyên
Không chuyên, việc đáng chuyên.
Bỏ đích, theo **hỷ ái**,
Ganh tị bậc tự chuyên.

210. Chớ gần gũi người yêu,
Trọn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,
Oán phải gặp cũng đau.

211. Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác,
Những ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng.

212. Do **ái** sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

213. **Ái luyện** sinh sầu ưu,
Ái luyện sinh sợ hãi.
Ai giải thoát ái luyện
Không sầu, đâu sợ hãi?

214. **Hỷ ái** sinh sầu ưu,
Hỷ ái sinh sợ hãi,
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

215. **Dục ái** sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

216. **Tham ái** sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi.

217. Đủ giới đức, chánh kiến,
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính.

218. Ước vọng **pháp ly ngôn**
Ý cảm xúc thương quả

Tâm thoát ly ác dục,
Xứng gọi bậc Thượng Lưu.

219. Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng.

220. Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia,
Như thân nhân, đón chào.